

Bản án số: 04/2023/KDTM-ST

Ngày 10-3-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Bùi Văn Khương;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (KL); địa chỉ trụ sở chính: Số A, phường B, thành phố C, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D - Trưởng bộ phận xử lý nợ Ngân hàng TMCP KL và ông E - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP KL (theo Quyết định về việc ủy quyền phê duyệt các thủ tục liên quan đến công tác xử lý nợ số 74/QĐ-NHKL ngày 17/01/2022 của ông Trần Ngọc Minh - Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP KL cho ông F - Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP KL và Giấy ủy quyền về việc tham gia thi hành án và làm việc với cơ quan chức năng số 1251/UQ-NHKL ngày 30/9/2022 của ông F cho ông D và ông E); ông E có mặt.

- Bị đơn: Bà PTTB, sinh năm 1970; ĐKHKT: Số G, H, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số K, phường H, quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (do kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông L, sinh năm 1970 đã chết):

+ Chị NLQ1, sinh năm 1994; ĐKHKT tại: Số G, H, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị NLQ2, sinh năm 2003; ĐKHKT tại: Số G, H, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Anh NLQ3, sinh năm 2007 (Người đại diện theo pháp luật của anh NLQ3 là bà PTTB, sinh năm 1970 là mẹ đẻ của anh NLQ3); ĐKHKT tại: Số G, H, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số K, phường H, quận J, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2022, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL (viết tắt là KL) với ông L (đã chết) vợ là bà PTTB đã thỏa thuận và ký Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016 và Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016, số tiền vay là 220.000.000đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng chẵn); mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; Giải ngân ngày 25/11/2016; Đến hạn ngày 25/11/2017; phương thức giải ngân: Bên B được giải ngân một hoặc nhiều lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, nếu được sự đồng ý của bên A. Mỗi lần giải ngân bên B ký vào khế ước nhận nợ, tổng số tiền giải ngân không vượt quá số tiền vay nêu trên hoặc Bên B được giải ngân trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng này, sau thời hạn này mà bên B muốn tiếp tục giải ngân thì phải được sự chấp thuận của bên A; kỳ hạn trả nợ gốc: Toàn bộ số tiền vay 220.000.000đồng sẽ được trả một lần vào ngày 25/11/2017; kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng tính từ ngày trả lãi vay đầu tiên vào ngày 25/12/2016, các ngày trả lãi vay tiếp theo hàng tháng vào ngày 25. Lãi suất trong hạn: 10,98%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Sau mỗi 03 tháng kể từ thời điểm thay đổi lãi suất vay đầu tiên, trong trường hợp thay đổi lãi suất vay thì lãi suất vay mới được tính như sau: lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền mà bên B đang vay, loại lãi cuối kỳ do bên A công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng (+) biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối

thiếu hiện hành của bên A (cùng loại hình và phương thức vay). Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngoài ra Hợp đồng tín dụng được các bên thỏa thuận các nội dung liên quan đến quan hệ tín dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông L và bà PTTB đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số M, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 415297, số vào sổ cấp GCN số CH00560 do Ủy ban nhân dân quận J cấp ngày 24/7/2014 cho ông L và bà PTTB (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 474/16/HĐTC-BĐS/1404-6269 ngày 24/11/2016 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 1361.PNT/16.TCTS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD) theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, KL đã giải ngân và vợ chồng ông L, bà PTTB đã nhận đủ số tiền vay theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016. Tuy nhiên vợ chồng ông L, bà PTTB đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2016 cho đến nay nên khoản vay của ông L, bà PTTB đã bị chuyển nợ quá hạn. Sau đó đến năm 2018 ông L qua đời, khoản nợ trên bà PTTB vẫn tiếp tục quá hạn. KL đã nhiều lần liên hệ, trao đổi, làm việc, đôn đốc bà PTTB trả nợ cho Ngân hàng nhưng bà PTTB không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do bà PTTB đã vi phạm thỏa thuận nên KL khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải trả cho KL số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 01/4/2022 là 421.866.894đồng trong đó nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 159.832.200đồng; phạt chậm trả lãi là 19.556.194đồng theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016. Trường hợp bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng Thương mại cổ phần KL có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số

M, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 415297, số vào sổ cấp GCN số CH00560 do Ủy ban nhân dân quận J cấp ngày 24/7/2014 cho ông L và bà PTTB (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 474/16/HĐTC-BDS/1404-6269 ngày 24/11/2016 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 1361.PNT/16.TCTS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD).

Bị đơn bà PTTB tại biên bản làm việc ngày 14 tháng 12 năm 2022 trình bày:

Bà xác nhận số tiền còn nợ KL như trong đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Vợ chồng bà vay tiền Ngân hàng để kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do làm ăn kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà PTTB đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký. Mặt khác ông L bị bệnh hiểm nghèo phải chữa trị dài ngày nên kinh tế ngày càng khánh kiệt, sau đó đến năm 2018 ông L mất, tất cả gánh nặng dồn lên vai bà, một mình bà phải nuôi ba con đang tuổi ăn học trong đó có con út là trẻ khuyết tật. Nay Ngân hàng khởi kiện đối với bà và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông L là các con NLQ1, NLQ2, NLQ3, quan điểm của bà khi nào có điều kiện sẽ trả nợ cho Ngân hàng, mong Ngân hàng tạo điều kiện giãn nợ để bà có thời gian thu xếp tiền trả nợ dần.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 01/4/2022 số tiền là 19.556.194đồng. Cụ thể, nguyên đơn yêu cầu bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, NLQ2, NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng của ông L) phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn và những người kế thừa quyền nghĩa vụ của ông L chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa và lời khai của đương sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 500, 615 của Bộ luật

Dân sự năm 2015; Điều 33, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 167 Luật Đất đai; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 01/4/2022 số tiền là 19.556.194đồng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải trả cho KL số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016 và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/3/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016. Trường hợp bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên KL có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số M, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 415297, số vào sổ cấp GCN số CH00560 do Ủy ban nhân dân quận J cấp ngày 24/7/2014 cho ông L và bà PTTB (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 474/16/HĐTC-BDS/1404-6269 ngày 24/11/2016 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 1361.PNT/16.TCTS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD). Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản mà còn thừa thì trả lại cho bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3; trường hợp việc phát mại tài sản mà không đủ trả nợ cho KL thì bà PTTB và chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải có nghĩa vụ thanh toán đủ cho KL cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

- Bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 phải nộp 21.473.346 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chia đều mỗi người phải nộp số tiền là 5.368.337 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do anh NLQ3 là người chưa thành niên nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm của anh NLQ3 phải nộp là 5.368.337 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) sẽ do bà PTTB nộp thay. Cụ thể bà PTTB phải nộp 10.736.673 đồng (Mười triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm; chị NLQ2 phải nộp 5.368.337 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị NLQ1 phải nộp 5.368.337 đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.437.338 đồng theo biên lai thu tiền số 0009593 ngày 03 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh theo quy định tại khoản 3 Điều 26 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại: Số K, phường H, quận J, thành phố Hải Phòng nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 đều vắng mặt không có lý do và không có căn cứ xác định việc vắng mặt của những người này là do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải trả cho KL số tiền còn nợ tính đến ngày

xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016 thấy:

[3.1.1] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa đã xác định được: Giữa Ngân hàng và vợ chồng ông L, bà PTTB có quan hệ hợp đồng tín dụng. Theo đó Ngân hàng đã ký với ông L, bà PTTB Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016 được giải ngân theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ và đúng hạn cho bên vay nhưng sau đó bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không thanh toán đầy đủ các khoản nợ từ thời điểm ngày 25 tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Ngân hàng đã có các văn bản đôn đốc trả nợ nhiều lần nhưng không có kết quả. Sau đó đến năm 2018 ông L qua đời, bà PTTB vẫn không trả nợ đúng hạn. Tính đến ngày 10/3/2023 ông L, bà PTTB còn nợ Ngân hàng số tiền là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng).

[3.1.2] Xét Hợp đồng tín dụng được ký giữa ông L, bà PTTB và đại diện của Ngân hàng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên tham gia ký kết Hợp đồng đều có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 122, 123, 124 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định trong Hợp đồng.

[3.1.3] Xét yêu cầu đòi nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân và vợ chồng ông L, bà PTTB đã nhận đủ số tiền vay theo giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016 số tiền 220.000.000đồng, như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng, bà PTTB thừa nhận đã nhận đủ số tiền vay, đồng thời thừa nhận vi phạm nghĩa vụ trả nợ và không có ý kiến gì về việc Ngân hàng đưa ra số nợ gốc cũng như nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn. Như vậy đủ cơ sở kết luận bị đơn đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng, chậm thanh toán các khoản nợ đến hạn nên việc Ngân hàng kiện yêu cầu bà PTTB và

những người được hưởng thừa kế của ông L phải thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng là 220.000.000đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3.1.4] Xét yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn: Theo bảng tính nguyên đơn cung cấp cho Tòa án và theo sự thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ thể hiện hai bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn: 10,98%/năm, tính trên số dư nợ thực tế và thời gian vay vốn thực tế. Sau mỗi 03 tháng kể từ thời điểm thay đổi lãi suất vay đầu tiên, trong trường hợp thay đổi lãi suất vay thì lãi suất vay mới được tính như sau: lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền mà bên B đang vay, loại lãi cuối kỳ do bên A công bố tại thời điểm thay đổi lãi suất vay cộng (+) biên độ 3,78%/năm. Lãi suất vay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành của bên A (cùng loại hình và phương thức vay). Mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng, khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận. Cụ thể số tiền nợ lãi trong hạn tính đến ngày 10/3/2023 là 22.478.500đồng.

[3.1.5] Xét yêu cầu đòi nợ lãi quá hạn: Theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016 hai bên thỏa thuận lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Mức lãi suất quá hạn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng nên được chấp nhận. Thời gian phát sinh lãi quá hạn từ ngày 25 tháng 11 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 194.355.150 đồng.

[3.1.6] Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải trả cho KL số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016.

[3.1.7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số

474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng đề nghị phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng, ông L và bà PTTB đã ký với Ngân hàng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 474/16/HĐTC-BĐS/1404-6269 ngày 24/11/2016 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 1361.PNT/16.TCTS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD với nội dung thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số M, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 415297, số vào sổ cấp GCN số CH00560 do Ủy ban nhân dân quận J cấp ngày 24/7/2014 cho ông L và bà PTTB theo đúng quy định của pháp luật.

Việc thế chấp này đã được ông L, bà PTTB đăng ký giao dịch bảo đảm theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận J ngày 24 tháng 11 năm 2016 theo đúng quy định của pháp luật. Xét hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa chủ tài sản với Ngân hàng, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, được chứng thực của Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q vào ngày 24-11-2016 và Đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận J, Hải Phòng vào ngày 24-11-2016 là phù hợp với quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 10, Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; mục 6 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 61 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19-3-2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên có hiệu lực và là căn cứ phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28-12-2022 thể hiện nội dung: Kể từ khi ông L, bà PTTB ký Hợp đồng thế chấp ngày 24-11-2016 đến nay, nhà đất thế chấp cho Ngân hàng vẫn giữ nguyên hiện trạng, không coi nói, xây mới gì thêm, không thực hiện bất cứ giao dịch vào liên quan đến tài sản thế chấp, nhà đất hiện do bà PTTB cùng con trai là NLQ3 đang thực tế ăn ở trên đất. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng trong trường hợp bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, đề nghị Tòa án tuyên KL có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 01/4/2022 số tiền là 19.556.194đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 280, 298, 299, 303, 304, 317, 318, 319, 320, 500, 615 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 167 Luật Đất đai; các điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức Tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu về tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 01/4/2022 số tiền là 19.556.194đồng (Mười chín triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn một trăm chín mươi tư đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL:

2.1 Buộc bà PTTB và các con của ông L là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi di sản thừa kế được hưởng từ ông L) phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/3/2023 là 436.833.650đồng (trong đó: số tiền nợ gốc là 220.000.000đồng; nợ lãi trong hạn là 22.478.500đồng; nợ lãi quá hạn là 194.355.150đồng) theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số

474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016; Giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số 474.1/KUNN.CN ngày 25/11/2016.

2.2 Trường hợp bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, KL có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 155, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: Số M, phường I (nay là phường H), quận J, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 415297, sổ vào sổ cấp GCN số CH00560 do Ủy ban nhân dân quận J cấp ngày 24/7/2014 cho ông L và bà PTTB (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 474/16/HĐTC-BDS/1404-6269 ngày 24/11/2016 tại Văn phòng Công chứng N, số 527 O, phường P, quận Q, thành phố Hải Phòng, số Công chứng 1361.PNT/16.TCTS, quyền số 03.TP/CC-SCC/HĐGD) để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền trên cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì bà PTTB, chị NLQ1, NLQ2, NLQ3 (chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 trong phạm vi phần di sản thừa kế được hưởng từ ông L) vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng nguyên tắc hạn mức cấp tín dụng số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 24/11/2016; Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 474/16/HĐTD/1404-6269 ngày 25/11/2016 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần KL với ông L (đã chết) và bà PTTB.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng vẫn còn thừa thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà PTTB, chị NLQ1, NLQ2, NLQ3.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà PTTB, chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 phải nộp 21.473.346đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn ba trăm bốn mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chia đều mỗi người phải nộp số tiền là 5.368.337đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do anh NLQ3 là người chưa thành niên nên số tiền án phí dân sự sơ thẩm của anh NLQ3 phải nộp là 5.368.337đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) sẽ do bà PTTB nộp thay. Cụ thể bà PTTB phải nộp 10.736.673đồng (Mười triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm; chị NLQ2 phải nộp 5.368.337đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị NLQ1 phải nộp 5.368.337đồng (Năm triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho KL số tiền 10.437.338đồng (Mười triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi tám đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (theo biên lai thu tiền số 0009593 ngày 03/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận

Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà PTTB vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị NLQ1, chị NLQ2, anh NLQ3 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương